

Số: /BC-CDLC

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2023

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
1	CTĐT	Chương trình đào tạo
2	KĐCL	Kiểm định chất lượng
3	BLĐTBXH	Bộ Lao động thương binh và xã hội
4	SLĐTBXH	Sở Lao động thương binh và xã hội
5	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
6	CDLC	Cao đẳng Lào Cai
7	THCS	Trung học cơ sở
8	THPT	Trung học phổ thông
9	UBND	Ủy ban nhân dân
10	NCKH & HTQT	Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường tính đến tháng 12/2023 gồm:

- Hội đồng trường: Chủ tịch, thư ký, các thành viên
- Lãnh đạo trường: 01 Hiệu trưởng, 04 Phó Hiệu trưởng
- Các phòng chức năng: 05 phòng (Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch Tài chính - Thiết bị, Công tác học sinh - sinh viên; Thanh tra khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo).
- Các khoa chuyên môn: 09 khoa (Điện - Điện tử, Công nghệ ô tô và Cơ khí, Nông lâm - Xây dựng, Khoa học cơ bản, Kinh tế; Du lịch, Y - Dược, Văn hóa - Nghệ thuật, Công nghệ thông tin và ngoại ngữ).
- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: 04 trung tâm (Đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; Đào tạo Hán ngữ; Đào tạo và Biểu diễn nghệ thuật; GDNN-GDTX thị xã Sa Pa).

6. Tổ chức trực thuộc: 01 trung tâm (Trung tâm Tuyển sinh và hợp tác doanh nghiệp).

7. Tổ chức Đảng, đoàn thể gồm:

- Đảng bộ Trường Cao đẳng Lào Cai;

- Các tổ chức Đoàn thể: Công đoàn cơ sở, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học, Hội sinh viên Việt Nam trường Cao đẳng Lào Cai

Quy chế tổ chức và hoạt động: Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lào Cai ban hành theo Quyết định 229/QĐ-CDLC ngày 28/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai.

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Biên chế + Nghị định 111	Hợp đồng ngoài
I	Lãnh đạo Trường	5	5	
II	Các Phòng chức năng			
1	Phòng Đào tạo - HTQT&NCKH	10	10	
2	Phòng Tổ chức- Hành chính	30	19	11
3	Phòng Thanh tra, Khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo	12	12	
4	Phòng Công tác học sinh - sinh viên	13	13	
5	Phòng Kế hoạch - Tài chính & Thiết bị	14	13	1
III	Các Khoa chuyên môn			
1	Khoa Khoa học Cơ bản	17	16	1
2	Khoa Nông Lâm - Xây dựng	12	11	1
3	Khoa Văn hóa- Nghệ thuật	18	18	
4	Khoa Kinh tế	11	10	1
5	Khoa Du lịch	27	21	6
6	Khoa Y - Dược	11	11	
7	Khoa Điện - Điện tử	21	20	1
8	Khoa Công nghệ ô tô và Cơ khí	19	15	4
9	Khoa Công nghệ thông tin và Ngoại ngữ	24	22	2
IV	Tổ chức trực thuộc			
1	Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Doanh nghiệp	13	13	

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Biên chế + Nghị định 111	Hợp đồng ngoài
V	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc			
1	Trung tâm Đào tạo Hán ngữ	9	9	
2	Trung tâm Đào tạo và Biểu diễn Nghệ thuật	13	11	2
3	Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	51	14	37
4	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sa Pa	23	22	1
	Biệt phái sang Trung tâm Sa Pa dạy Văn hóa	19	19	
	Tổng cộng	372	304	68

1.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

STT	Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
I.	Lãnh đạo Trường			
1	Hiệu trưởng	Hoàng Quang Đạt	1972	Ths - Hiệu trưởng
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Quang Tĩnh	1971	BSCK2- Phó hiệu trưởng
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Trung Kiên	1964	BSCK1- Phó hiệu trưởng
4	Phó Hiệu trưởng	Phạm Đức Bình	1982	Ths- Phó Hiệu trưởng
5	Phó Hiệu trưởng	Trần Xuân Trường	1967	Ths- Phó Hiệu trưởng
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn			
1	Đảng ủy	Hoàng Quang Đạt	1972	Bí thư Đảng ủy
2	Công đoàn	Nguyễn Thị Anh Đào	1978	Chủ tịch Công đoàn
3	Đoàn Thanh niên	Đỗ Duy Hùng	1989	Bí thư Đoàn Thanh niên
III.	Các bộ phận chức năng			
1	Phòng Tổ chức-Hành chính	Nguyễn Văn Lập	1980	Ths - Trưởng phòng
2	Phòng Đào tạo, NCKH& HTQT	Nguyễn Thị Phương Thủy	1982	Ths - Trưởng phòng

STT	Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
3	Phòng Thanh tra khảo thí và ĐBCLĐT	Lê Thị Phương Mai	1977	Ths. Trưởng phòng
4	Phòng Công tác HSSV	Phạm Hữu Hào	1976	Ths - Trưởng phòng
5	Phòng Kế hoạch, tài chính - Thiết bị	Nguyễn Thị Hiền	1976	Ths - Trưởng phòng
IV.	Các bộ phận chuyên môn			
1	Khoa Khoa học Cơ bản	Nguyễn Thị Kim Nhung	1972	TS. Trưởng Khoa
2	Khoa Kinh tế	Nguyễn Thị Kiều Thanh	1982	Ths. Trưởng khoa
3	Khoa Du lịch	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1981	Ths - Trưởng khoa
4	Khoa Nông lâm - Xây dựng	Nguyễn Thị Lan Anh	1981	Ths - Trưởng khoa
5	Khoa Văn hóa - Nghệ thuật	Đỗ Xuân Quỳnh	1984	Ths - Trưởng khoa
6	Khoa Điện - Điện tử	Đỗ Xuân Sinh	1979	Ths - Phó Trưởng khoa (PT)
7	Khoa Y - Dược	Hồ Kim Dung	1971	BSCK1 - Trưởng Khoa
8	Khoa Công nghệ ô tô và Cơ khí	Phùng Văn Cảnh	1980	Ths - Trưởng Khoa
9	Khoa Công nghệ Thông tin và ngoại ngữ	Nguyễn Thị Anh Đào	1978	Ths - Trưởng khoa
IV	Tổ chức trực thuộc			
1	Trung tâm tuyển sinh và hợp tác doanh nghiệp	Nguyễn Thị Mai Anh	1975	Ths- Giám đốc
V	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc			
1	Trung tâm Hán ngữ	Trần Viết Sơn	1973	Ths- Giám đốc
2	Trung tâm Đào tạo và Biểu diễn Nghệ thuật	Đỗ Xuân Quỳnh	1984	Ths -Trưởng khoa

STT	Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
3	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	Phạm Đức Bình	1982	Ths- Phó Hiệu trưởng, kiêm Giám đốc TT
4	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Sa Pa	Nguyễn Đắc Hoàng	1977	Giám đốc

1.2. Nhân sự

Tổng số viên chức, giảng viên, nhân viên, người lao động hiện tại của Nhà trường: 372 người

*** Về cán bộ quản lý**

- Tổng cộng có: 68 người (Lãnh đạo trường: 05 người, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm: 63 người).

- Về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý:

+ Trình độ chuyên môn: 100% có trình độ Đại học trở lên (Tiền sĩ: 03; Chuyên khoa 2: 01; Thạc sĩ 34, Chuyên khoa 1: 02, Đại học 27).

+ Về trình lý luận chính trị: Cử nhân Chính trị: 02; Cao cấp chính trị: 18 người; Trung cấp chính trị: 42 người.

*** Về đội ngũ giảng viên**

- Tổng số giảng viên, giáo viên của Trường: 296 nhà giáo trong đó:

+ Giáo viên văn hóa, lái xe: 75 giáo viên

+ Nhà giáo GDNN: 221 nhà giáo, trong đó:

(+) Lãnh đạo quản lý kiêm giảng: 58 nhà giáo

(+) Nhà giáo GDNN: 163 nhà giáo

- Trình độ chuyên môn của nhà giáo: trình độ từ đại học trở lên: 258 GV (Tiền sĩ: 04 người, chuyên khoa 2: 01 người, Thạc sĩ: 100 người, chuyên khoa 1: 02 người, Đại học: 151 người); trình độ Cao đẳng: 29 người

- Chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo GDNN:

Nhà giáo GDNN có 221 nhà giáo, trong đó:

+ Về chứng chỉ kỹ năng nghề:

(+) Chứng chỉ kỹ năng nghề Quốc gia bậc 3 và tương đương: 60 nhà giáo

Các ngành Điện - Điện tử: 19 GV; Cơ khí - Động lực: 13 GV; Công nghệ thông tin có 11 GV; Thú y có 04 GV; Nông lâm: 04 GV; Y - Dược: 9 GV (chứng chỉ hành nghề)

(+) Chứng chỉ kỹ năng nghề khác: ngành du lịch có 11 GV đạt chuẩn kỹ năng nghề VTOS.

Các ngành Văn hóa - Nghệ thuật; Hành chính - Pháp lý; Kế toán; tiếng Anh, tiếng Trung do đặc thù của ngành nghề Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chưa tổ chức thi

chứng chỉ kỹ năng nghề, tuy nhiên các giảng viên thuộc các nhóm ngành trên đều có trình độ chuyên môn phù hợp chuyên ngành giảng dạy.

+ Về Nghiệp vụ sư phạm: 100% GV đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm.

- Về trình độ tin học: 100% GV đạt chuẩn về trình độ CNTT quy định tại Thông tư số 08/2017/TT -BLĐTBXH (trong đó có trình độ Trung cấp, CĐ, ĐH là 14 GV; 122 chứng chỉ tin học A,B,C; 85 giảng viên có chứng chỉ tin học ứng dụng CNTT cơ bản theo chuẩn thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

- Về trình độ ngoại ngữ: 100% GV đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định; trong đó có ĐH, thạc sỹ là 28 GV; trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc là 77 GV; Trình độ C theo Quyết định 177 tương đương bậc 3 của Khung 6 bậc là 40 GV; nhà giáo có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A, B là 76 GV.

2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Các ngành đào tạo và quy mô tuyển sinh

Hiện nay trường Cao đẳng Lào Cai được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐTBXH cấp phép đào tạo 81 nghề (gồm 24 mã ngành nghề trình độ cao đẳng, 26 mã ngành nghề trình độ trung cấp, 31 nghề trình độ sơ cấp) tập trung ở 11 lĩnh vực ngành nghề sau:

- *Lĩnh vực Công nghệ và Kỹ thuật*: gồm các nghề Công nghệ ô tô, Hàn, Cắt gọt kim loại, Sửa chữa xe máy, Sửa chữa thiết bị cơ khí nhỏ nông thôn; Điện dân dụng, Điện công nghiệp, Vận hành nhà máy thủy điện, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Cơ điện nông thôn, Điện tử dân dụng, Sửa chữa thiết bị điện lạnh.

- *Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng*: gồm các nghề Kỹ thuật xây dựng, Cốt thép - Hàn;

- *Lĩnh vực Lâm nông nghiệp và thủy sản*: gồm các nghề Khuyến nông lâm, Trồng trọt, Chăn nuôi gia súc gia cầm, Thú y, Chăn nuôi - thú y, Nông nghiệp công nghệ cao, Kỹ thuật trồng rau công nghệ cao; Chăn nuôi gia súc, gia cầm, Thú y cơ sở,

- *Lĩnh vực Y - Dược*: gồm các nghề Điều dưỡng, Dược sỹ trung cấp, Nhân viên y tế thôn bản, Cô đỡ thôn bản, Xoa bóp bấm huyệt, dưỡng sinh.

- *Lĩnh vực Du lịch, khách sạn*: gồm các nghề Hướng dẫn du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn, Quản trị khách sạn, Nghiệp vụ buồng, Nghiệp vụ Lễ tân, Nghiệp vụ nhà hàng, Kỹ thuật pha chế đồ uống, Kỹ thuật chế biến món ăn;

- *Lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật*: gồm các nghề Hội họa, Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc, Thanh nhạc, Organ, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Piano;

- *Lĩnh vực Kế toán, Kinh doanh và quản lý*: gồm các nghề Kế toán; Kế toán doanh nghiệp

- *Lĩnh vực Tin học - Ngoại ngữ*: gồm các nghề Tin học ứng dụng; Công nghệ thông tin; Đào tạo ngoại ngữ (tiếng Trung Quốc, tiếng Anh...);

- *Lĩnh vực Giao thông vận tải*: Đào tạo và sát hạch lái xe ô tô, mô tô các hạng A1, B1, B2, C, D, E.

TT	Ngành	Mã nghề	Quy mô cấp phép
	Tổng		5.618
I	Cao đẳng		1.125
1	Công nghệ ô tô	6510216	120
2	Cắt gọt kim loại	6520121	20
3	Hàn	6520123	25
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	6520205	40
5	Điện công nghiệp	6520227	90
6	Vận hành nhà máy thủy điện	6520246	100
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	90
8	Hướng dẫn du lịch	6810103	40
9	Quản trị khách sạn	6810201	35
10	Hội hoạ	6210103	20
11	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	20
12	Piano	6210221	20
13	Thanh nhạc	5210225	20
14	Diễn viên múa	6210213	15
15	Tiếng Anh	6220206	40
16	Tiếng Trung Quốc	6220209	30
17	Kế toán	6340301	70
18	Công nghệ thông tin (ƯDPM)	6480202	75
19	Kỹ thuật xây dựng	6580201	30
20	Khuyến nông lâm	6620122	60
21	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	30
22	Thú y	6640101	25
23	Dược	6720201	30
24	Điều dưỡng	6720301	80
II	Trung cấp		1.280
1	Công nghệ ô tô	5510216	100
2	Cắt gọt kim loại	5520121	30
3	Hàn	5520123	70
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	5520205	50
5	Điện dân dụng	5520226	60
6	Điện công nghiệp	5520227	90
7	Vận hành nhà máy thủy điện	5520246	30
8	Hướng dẫn du lịch	5810103	120
9	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn	5810205	150
10	Hội hoạ	5210103	10
11	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	10
12	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	10
13	Organ	5210224	10
14	Thanh nhạc	5210225	10
15	Tiếng Trung Quốc	5220209	60
16	Kế toán doanh nghiệp	5340302	15
17	Tin học ứng dụng	5480205	15
18	Kỹ thuật xây dựng	5580201	90

TT	Ngành	Mã nghề	Quy mô cấp phép
19	Cốt thép - Hàn	5580208	90
20	Trồng trọt	5620110	10
21	Chăn nuôi - Thú y	5620120	10
22	Khuyến nông lâm	5620122	35
23	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	35
24	Thú y	5640101	60
25	Dược	5720201	80
26	Điều dưỡng	5510216	30
III	Sơ cấp		3.213
1	Công nghệ ô tô		25
2	Sửa chữa xe máy		35
3	Sửa chữa thiết bị cơ khí nhỏ nông thôn		35
4	Hàn hồ quang tay		25
5	Hàn TIG, MIG, MAG		25
6	Tiện		25
7	Điện dân dụng		35
8	Điện tử dân dụng		35
9	Điện công nghiệp		25
10	Vận hành nhà máy thủy điện		60
11	Sửa chữa thiết bị điện lạnh		35
12	Dulich cộng đồng		110
13	Nghiệp vụ lễ tân		35
14	Nghiệp vụ nhà hàng		70
15	Kỹ thuật chế biến món ăn		35
16	Nghiệp vụ buồng		70
17	Nghiệp vụ pha chế đồ uống		70
18	lái xe ô tô các hạng B1, B2		1625
19	lái xe ô tô hạng C		168
20	May công nghiệp		75
21	Kỹ thuật xây dựng		25
22	Lắp đặt điện - Nước		70
23	Chăn nuôi gia súc, gia cầm		25
24	Khuyến nông lâm		25
25	Kỹ thuật trồng rau công nghệ cao		35
26	Thú y cơ sở		35
27	Nhân viên y tế thôn bản		120
28	Cô đỡ thôn bản		50
29	Phun xăm thẩm mỹ		70
30	Chăm sóc da		70
31	Xoa bóp bấm huyệt, dưỡng sinh		70

Các loại hình đào tạo của nhà trường: Chính quy, liên thông, vừa làm vừa học.

3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Đơn vị phụ trách: Phòng Thanh tra , Khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo
- Số lượng cán bộ: 12 người

- Nhiệm vụ: Thực hiện công tác Thanh tra, pháp chế; kiểm định chất lượng; khảo thí.

- Địa chỉ email: thanhtralcc@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Trong những năm qua, cùng với hoạt động kiểm định chất lượng thì việc xây dựng hệ thống BĐCL trong các trường nghề là nền tảng quan trọng trong việc bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần hình thành “ văn hóa chất lượng” trong nhà trường, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường. Đây cũng là yếu tố quan trọng để khẳng định chất lượng thực sự của trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm định và BĐCL.

Do tầm quan trọng của công tác BĐCL, vì vậy trường Cao đẳng Lào Cai ngay từ đầu đã quan tâm đến công tác Bảo đảm chất lượng, Nhà trường coi đây là cơ hội để tiếp cận với mô hình quản lý hiện đại đồng thời cũng là để đạt được mục tiêu của Nhà trường đặt ra là đến năm 2025, trường Cao đẳng Lào cai sẽ trở thành trường chất lượng cao.

Để công tác Bảo đảm chất lượng đạt kết quả cao đòi hỏi phải có sự gắn kết, sự tham gia của tất cả các thành viên trong trường và giúp Nhà trường giải quyết các vấn đề quản lý một cách đồng bộ, khoa học, luôn cập nhật và không ngừng cải tiến đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

- Luật Giáo dục nghề nghiệp: quy định trách nhiệm của CSGDNN là “CSGDNN tự chủ trong các hoạt động thuộc các lĩnh vực Nhà trường và nhân sự, tài chính và tài sản, đào tạo và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm giải trình trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học và xã hội về Nhà trường, quản lý hoạt động và chất lượng đào tạo của mình”;

- Nghị định 48/2015/NĐ-CP, ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp có quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương “quy định về xây dựng hệ thống BĐCL trong CSGDNN” (khoản 14, điều 4);

- Chiến lược phát triển dạy nghề 2011-2020: “Các cơ sở dạy nghề chịu trách nhiệm đảm bảo chất lượng dạy nghề” và một trong những nội dung triển khai chiến lược là “xây dựng hệ thống quản lý chất lượng” ;

- Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 05 năm 2014: phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020; có nội dung: “Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đào tạo ở các trường nghề được lựa chọn”;

- Quyết định 145/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 , có giải pháp là “Xây dựng, phát triển hệ thống BĐCL đào tạo nghề cho các cơ sở đào tạo đạt chuẩn khu vực và quốc tế”;

- Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017, quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tạo lập bộ khung pháp lý của nhà trường với một hệ thống quy trình, quy phạm chặt chẽ; kiểm soát được chất lượng đào tạo, đảm bảo cung cấp sản phẩm đào tạo có chất

lượng ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu của người học, doanh nghiệp và toàn xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý trong nhà trường;

- Tiết kiệm các nguồn lực, giảm thiểu các chi phí, giảm bớt các sai sót trong hoạt động đào tạo; Phát triển thương hiệu của nhà trường, mở rộng quy mô đào tạo, tăng cường bền vững các nguồn lực cho nhà trường;

- Phân định rõ trách nhiệm quyền hạn của từng cán bộ, giảng viên (CBGV); nâng cao ý thức trách nhiệm, tác phong và nề nếp trong công việc; nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ CBGV, gia tăng hiệu suất lao động khi thực hiện theo quy trình được chuẩn hoá;

- Giảm tải cho các nhà quản lý, tạo cơ sở cho hoạt động quản lý một cách khoa học; Thuận lợi trong việc thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, lập các báo cáo liên quan trong quá trình điều hành, quản lý và chỉ đạo;

- Tạo lập sự tin tưởng, sự hợp tác gắn bó của người học, doanh nghiệp và xã hội, củng cố và mở rộng thị trường sử dụng lao động được đào tạo; Nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Trường trong lĩnh vực đào tạo.

Xây dựng hệ thống tài liệu đảm bảo chất lượng trong Nhà trường là cơ sở hoàn thiện các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong Nhà trường nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn.

2. Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm.

3. Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

4. Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

5. Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Công tác chuẩn bị: Hoàn thiện tổ chức và nhân sự; Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.

2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.

3. Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

4. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

5. Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Lãnh đạo, viên chức, nhà giáo Trường Cao đẳng Lào Cai cam kết:

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, đổi mới công tác quản lý và đào tạo, mở rộng quan hệ hợp tác với các đơn vị/doanh nghiệp, nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng sự hài lòng của khách hàng với phương châm “*Nhân văn - Kỹ thuật - Hội nhập*”.

d) Mục tiêu chất lượng của trường Cao đẳng Lào Cai năm 2023

Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Trường Cao đẳng Lào Cai vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực bộ máy quản lý, tạo bước chuyển biến về chất lượng đào tạo, tích cực chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để trường trở thành trường chất lượng cao năm 2025.

Mục tiêu cụ thể:

1. Hoàn thành 100% tổng chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng đạt chuẩn đầu vào của nhà trường.
2. Tổ chức cho 50% đội ngũ nhà giáo được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ.
3. Tổ chức được 5 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.
4. Có học sinh, sinh viên đạt giải tại cuộc thi cấp quốc gia do Tổng cục GDNN phát động, tổ chức.
5. Hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện 1 (một) đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.
6. Thực hiện điều tra lần vết đối với 100% HSSV sau 6 tháng, 1 năm kể từ khi tốt nghiệp, đảm bảo tỷ lệ phản hồi đạt tối thiểu 70%.
7. Có 02 Chương trình đào tạo nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo qui định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.
8. Trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

- Tổ chức quản lý;
- Chương trình, giáo trình;
- Tuyển sinh;
- Kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp;
- Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ;
- Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện;
- Tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý;
- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;
- Quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng;
- Khảo sát các đối tượng liên quan đến chất lượng
- Liên kết, hợp tác với doanh nghiệp
- Chế độ chính sách viên chức, nhà giáo, HSSV

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

- Đơn vị chủ trì công tác Bảo đảm chất lượng: Phòng thanh tra, khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo

- Nhân sự: 12 người
- Số lượng người phụ trách công tác Bảo đảm chất lượng: 03 người.
- Thực trạng hạ tầng thông tin của cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Để công tác bảo đảm chất lượng được hoạt động có hiệu quả, Nhà trường đã trang bị hạ tầng thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu của công tác bảo đảm chất lượng bao gồm:

- + 01 máy chủ
- + 15 Máy ghi âm
- + Phần mềm ngân hàng đề thi
- + Phần mềm quản lý thông tin, minh chứng
- + 01 Máy hủy tài liệu
- + 01 bộ hệ thống camera giám sát phòng thi (3 phòng thi)
- + 01 máy photo copy.
- + 02 máy tính có cấu hình cao.

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá

a1) Tổng số đợt đánh giá: 01

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 18

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	12	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	6	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất, lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	90	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	16	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	0	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	0	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

- Nhà trường đã lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng; Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên; xây dựng và ban hành chính sách chất lượng, mục

tiêu chất lượng. Thực hiện đánh giá, cải tiến quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng thuộc các nội dung: Quản lý hồ sơ viên chức, người lao động; Quản lý hồ sơ HSSV; Quản lý, sử dụng xe ô tô công vụ; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức, giáo viên; Quản lý hoạt động giảng dạy; Giải quyết chế độ chính sách viên chức và người lao động; Cấp phát vật tư, nguyên vật liệu; Quản lý thư viện; Xét, cấp học bổng khuyến khích học tập; Giới thiệu và tư vấn việc làm; Điều tra, lần vết đối với người tốt nghiệp; Giải quyết yêu cầu của HSSV; Cải tiến hệ thống BDCL.

- Việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Nhà trường đã thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác BDCL góp phần cải tiến và nâng cao công tác quản lý, kiểm soát các mặt công tác của trường.

2. Tồn tại, hạn chế:

** Đối với việc thực hiện MTCL năm 2023*

Mục tiêu chất lượng đề ra trong năm 2023 còn có nội dung chưa đạt chỉ tiêu:

Trang thông tin điện tử của trường chưa có đầy đủ các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính như MTCL đã đưa ra được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

** Việc vận hành quy trình BDCL:*

- Một số quy trình còn chưa phù hợp trong quá trình vận hành vào công việc chuyên môn hoặc đã phù hợp nhưng đơn vị chức năng chưa nghiêm túc thực hiện đầy đủ theo các bước nội dung công việc: Quy trình đề xuất mua sắm vật tư, thiết bị, tài sản; Tổng hợp giờ giảng của nhà giáo; Cấp phát vật tư; Quản lý cơ sở vật chất nhà trường; Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị; Quản lý phòng học chuyên môn

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Một số đơn vị chưa bám sát hệ thống BDCL đã xây dựng để vận hành hiệu quả vào công việc chuyên môn.

- Lãnh đạo một số đơn vị chưa thực sự chủ động trong việc triển khai và thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch ban hành còn dễ chậm, muộn, tồn đọng công việc.

- Các đơn vị chưa sát sao trong việc phối hợp với Ban biên tập Website Nhà trường xác định các danh mục cần dịch thuật để trang thông tin điện tử của Nhà trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.

- Nhận thức học nghề của học sinh và phụ huynh đã chuyển biến nhưng vẫn chưa được như mong muốn.

IV. Đề xuất - Kiến nghị

1. Đối với Tổng Cục GDNN - Bộ Lao động Thương binh & Xã hội

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống BDCL, các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN bảo đảm đồng bộ, hiệu quả trong công tác đánh giá.

- Xây dựng các chương trình, tài liệu phù hợp, tổ chức nhiều đợt các lớp tập huấn về công tác BĐCL cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ, viên chức làm công tác BĐCL của cơ sở GDNN thuộc các trường trung cấp, cao đẳng trên toàn quốc.

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung trang thiết bị cho 07 nghề trọng điểm đã được Bộ LĐTB&XH phê duyệt.

2. Đối với UBND Tỉnh Lào Cai

- Tăng cường bổ sung nguồn kinh phí hàng năm, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đảm bảo đồng bộ, hiện đại theo chuẩn từng ngành nghề; đồng thời xây dựng một số xưởng thực hành kiểu mẫu đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các ngành nghề đang tổ chức đào tạo tại trường, đảm bảo đạt tiêu chí, tiêu chuẩn trường chất lượng cao.

- Bổ sung nguồn kinh phí hàng năm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nhà trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác.

- Có chính sách phù hợp để tuyển dụng, bổ sung nhà giáo có tay nghề cao đảm bảo có đủ nhà giáo giảng dạy các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề chất lượng cao.

3. Đối với Sở Lao động Thương binh và xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Tổng cục GDNN tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho GV tham gia giảng dạy CTĐT chất lượng cao.

- Tham mưu với UBND tỉnh và các đơn vị chức năng quan tâm, bổ sung nguồn kinh phí cho trường Cao đẳng Lào Cai thực hiện mua bổ sung trang thiết bị cho những ngành nghề còn thiếu, nâng cấp các xưởng, phòng thực hành thực tập.

Trên đây là báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2023 của Trường Cao đẳng Lào Cai./.

Nơi nhận:

- Cục KĐCL GDNN (b/c);
- UBND tỉnh Lào Cai (b/c)
- Sở LĐ-TBXH tỉnh Lào Cai (b/c);
- Hội đồng trường (b/c);
- Lãnh đạo trường (b/c);
- Website Trường (công khai);
- Phòng, Khoa, Trung tâm;
- Lưu: VT, TTKT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Đức Bình